Trường Lớp: ..... Họ và tên:	Bài kiểm tra giữa kì II Môn: Tiếng Việt - Lớp 5 Thời gian: 40 phút	
Điểm bài kiểm tra: Bằng số: ..... Bằng chữ:	Giáo viên kiểm tra	Giáo viên chấm kiểm tra
Nhận xét của giáo viên:		

I. BÀI KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. <u>Đọc thành tiếng kết hợp trả lời câu hỏi:</u> (3 điểm)

a) Đọc thành tiếng (2 điểm)

b) Trả lời câu hỏi (1 điểm)

2. <u>Đọc hiểu - kiến thức Tiếng Việt:</u> (7 điểm)

a) Đọc hiểu (4 điểm)

Đọc bài sau và trả lời câu hỏi:

Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân

Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân bắt nguồn từ các cuộc trẩy quân đánh giặc của người Việt cổ bên bờ sông Đáy xưa.

Hội thi bắt đầu bằng việc lấy lửa. Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội nhanh như sóc, thoăn thoắt leo lên bốn cây chuối bôi mỡ bóng nhẫy để lấy nén hương cắm ở trên ngọn. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên… Khi mang được nén hương xuống, người dự thi được phát ba que diêm để châm vào hương cho cháy thành ngọn lửa. Trong khi đó, những người trong đội, mỗi người một việc. Người thì ngồi vót những thanh tre già thành những chiếc đũa bông. Người thì nhanh tay giã thóc, giần sàng thành gạo, người thì lấy nước và bắt đầu thổi cơm.

Mỗi người nấu cơm đều mang một cái cần tre được cắm rất khéo vào dây lưng, uốn cong hình cánh cung từ phía sau ra trước mặt, đầu cần treo cái nồi nho nhỏ. Người nấu cơm tay giữ cần, tay cầm đuốc đưa cho ánh lửa bập bùng. Các đội vừa thổi cơm vừa đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem hội.

Sau độ một giờ rưỡi, các nồi cơm được lần lượt trình trước cửa đình. Mỗi nồi cơm được đánh một số để giữ bí mật. Ban giám khảo chấm theo ba tiêu chuẩn: cơm trắng, dẻo và không có cháy. Cuộc thi nào cũng hồi hộp và việc giật giải đã trở thành niềm tự hào khó có gì sánh nổi đối với dân làng.

Theo **Minh Nhương**

Câu 1: *Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để được ý đúng:*

Hội thi bắt đầu bằng việc.....

Câu 2: *Nguồn gốc của Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân là:*

A. Bắt nguồn từ các trò chơi dân gian ở làng Phù Đổng.

B. Bắt nguồn từ các cuộc săn bắn người xưa của người Tây Nguyên.

C. Bắt nguồn từ các cuộc trẩy quân đánh giặc của người Việt cổ bên bờ sông Đáy.

D. Bắt nguồn từ các cuộc trẩy quân đánh giặc Tây.

Câu 3: *Theo em, ban giám khảo đánh giá nồi cơm theo những tiêu chuẩn nào ?*

.....

.....

Câu 4: *Dựa vào bài đọc, xác định các điều nêu dưới đây, viết đúng hay sai vào phần trả lời.*

Thông tin	Trả lời
a) Có người leo lên, tụt xuống, và không leo lên nữa.	
b) Người thì ngồi vót những thanh tre già thành những chiếc đũa bông.	

Câu 5: *Qua lễ hội thổi cơm thi ở Đồng Vân em có cảm nghĩ gì ?*

.....

.....

Câu 6 *Qua bài văn, tác giả thể hiện tình cảm gì đối với một nét đẹp cổ truyền trong văn hoá dân tộc ? Hãy kể những lễ hội ở địa phương của em mà em biết ?*

.....

.....

.....

.....

b) Kiến thức Tiếng Việt (3 điểm)

Câu 7: *Em hãy chọn cặp từ hô ứng (trong ngoặc đơn) để điền vào chỗ chấm trong câu sau cho thích hợp:(vừa…đã…; chưa…đã…; đâu…đấy…; nào…ấy…)*

Chúng tôi đi đến ……, rừng rào rào chuyển động đến.....

***Câu 8*:** *Hãy thay thế những từ ngữ lặp lại trong mỗi câu của đoạn văn sau bằng những từ ngữ có giá trị tương đương để đảm bảo liên kết mà không lặp lại từ:*

Vợ An Tiêm lo sợ vô cùng. Vợ An Tiêm bảo An Tiêm:

- Thế này thì vợ chồng mình chết mất thôi.

An Tiêm lựa lời nói với vợ:

- Còn hai bàn tay, vợ chồng chúng mình còn sống được.

.....

.....

.....

.....

Câu 9: *Trong câu ghép "Trên nương, lúa đã chín vàng, bầy chim đang nhặt từng hạt thóc nhưng nó vẫn không quê cất tiếng hót véo von" có mấy vế câu? Các vế câu được nối với nhau bằng cách nào ?*

Viết câu trả lời của em:

.....

.....

.....

.....

***Câu 10*:** *Viết một câu ghép có sử dụng cặp quan hệ từ chỉ quan hệ nguyên nhân- kết quả; một câu ghép có sử dụng cặp quan hệ từ chỉ quan hệ tương phản. Phân tích cấu tạo một trong hai câu ghép em vừa viết xong.*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II. BÀI KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

3. <u>Viết chính tả:</u> (2 điểm) *(Thời gian viết bài 15 phút).*

Nghe - viết: Bài ***Núi non hùng vĩ*** Sách Tiếng Việt 5, tập 2, trang 58.

hoc360.net

4. Tập làm văn (8 điểm). *(Thời gian làm bài 35 phút).*

Đề bài: Tả một đồ vật mà em yêu thích.

hoc360.net

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN MÔN TIẾNG VIỆT GIỮA KÌ II
LỚP 5

I. BÀI KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng kết hợp trả lời câu hỏi: (3 điểm)

- Học sinh đọc thành tiếng ***một đoạn văn (khổ thơ) khoảng 115 tiếng/phút*** trong số các bài tập đọc đã học, sách Tiếng Việt 5 - tập 2, từ tuần 19 đến tuần 27.
- Trả lời 1 câu hỏi về nội dung trong bài đọc đó.

a) Đọc thành tiếng (2 điểm)

b) Trả lời câu hỏi (1 điểm)

2. Đọc hiểu - kiến thức Tiếng Việt: (7 điểm)

a) Đọc hiểu (4 điểm)

b) Kiến thức Tiếng Việt (3 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1	lấy lửa	0,5 điểm
Câu 2	C	0,5 điểm
Câu 3	Ban giám khảo đánh giá nồi cơm theo những tiêu chuẩn sau: cơm trắng, dẻo và không cháy.	0,5 điểm
Câu 4	a) **Sai** *0,25 điểm;* b) **Đúng** *0,25 điểm.*	0,5 điểm
Câu 5	Lễ hội thổ cơm thi ở Đồng Vân là nét đẹp văn hóa của dân tộc.	1 điểm
Câu 6	- Tác giả thể hiện tình cảm trân trọng và tự hào với một nét đẹp trong sinh hoạt văn hoá của dân tộc. *(0,5 điểm).* - Các lễ hội ở quê em là: hội rằm tháng 3 ở Minh Hóa, hội đua thuyền ở Lệ Thủy, lễ buộc tay của người Khùa, lễ cúng giang sơn của người Khùa,… *(0,5 điểm).*	1 điểm
Câu 7	đâu…đấy	0,5 điểm
Câu 8	Ví dụ: Vợ An Tiêm lo sợ vô cùng. **Nàng** bảo **chồng**: (0,125 điểm) - Thế này thì vợ chồng mình chết mất thôi. **Người chồng** lựa lời nói với vợ: (0,125 điểm) - Còn hai bàn tay, **chúng mình** còn sống được. (0,125 điểm)	0,5 điểm
Câu 9	Trong câu ghép trên có 3 vế câu. Vế 1 nối với vế 2 trực tiếp bằng dấu phẩy, vế 2 nối với vế 3 bằng quan hệ từ nhưng.	1 điểm
Câu 10	Ví dụ minh họa: - Do trời mưa to // nên em phải nghỉ học. (nguyên nhân- kết quả). Qht CN VN qht CN VN - Tuy hạn hán kéo dài nhưng cây cối trong vườn vẫn tươi tốt. (tương phản). ** Tùy theo học sinh viết mà giáo viên xác định, cho điểm phù hợp.*	1 điểm

II. Kiểm tra viết: (10 điểm).

3. Chính tả: (2 điểm).

+ **2 điểm**: Bài viết không mắc lỗi chính tả, dấu câu, dấu thanh, chữ viết rõ ràng, đúng mẫu chữ, trình bày sạch sẽ, viết được hết bài chính tả.
+ **1 điểm**: Bài viết đầy đủ, không mắc lỗi chính tả, dấu câu, dấu thanh.
+ Cứ mắc 3 lỗi thông thường trừ 0,25 điểm.
+ Bài viết chữ xấu, trình bày bẩn, không đạt yêu cầu về chữ viết bị trừ 1 điểm.

4. Tập làm văn: (8 điểm).

A. Yêu cầu:

Thể loại: Học sinh viết bài văn tả một đồ vật mà em yêu thích.

Nội dung:

- Học sinh có thể chọn tả một đồ vật mà em yêu thích. Có thể tả hình dáng, kích thước, màu sắc; tả các bộ phận của đồ vật, tả công dụng của đồ vật, rồi tả hoạt động của con người hoặc kỉ niệm của em với đồ vật đó; cũng có thể tả kết hợp hình dáng, kích thước, màu sắc và hoạt động của con người với kỉ niệm của đồ vật đó. Đồng thời nêu được tình cảm đối với đồ vật đó. Học sinh thể hiện được kĩ năng quan sát bằng tất cả giác quan và sử dụng vào việc miêu tả một cách sinh động. Người đọc có thể hình dung được hình dáng, kích thước, màu sắc và hoạt động của con người đối với đồ vật được tả.

Hình thức:

- Bài văn có ba phần rõ ràng (mở bài, thân bài, kết bài), có bố cục hợp lý, trình tự miêu tả hợp lý, có trọng tâm, học sinh biết dùng từ gợi tả.
- Viết đúng ngữ pháp, chính tả, chữ viết đẹp, rõ ràng, dễ đọc, trình bày sạch sẽ, đúng thể loại.
- Tùy theo mức độ sai sót về cách thể hiện, diễn đạt các yêu cầu đã nêu. GV có thể cho theo biểu điểm sau:

B. Biểu điểm:

- **Điểm 7 - 8**: Học sinh thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu trên. Thể hiện được sự quan sát, chọn lọc tốt các chi tiết, giúp người đọc có thể hình dung được đồ vật muốn tả. Bài văn mạch lạc, diễn đạt tốt, biết sử dụng từ ngữ, hình ảnh gợi tả.
- **Điểm 5 - 6**: Học sinh thực hiện đầy đủ các yêu cầu trên, chữ viết rõ ràng, không sai lỗi chính tả. Sai 2 - 3 lỗi chung.
- **Điểm 3 - 4**: HS viết được những điều HS biết về đồ vật được tả. Thực hiện các yêu cầu ở mức trung bình, ý sơ sài, chung chung. Viết đoạn văn sử dụng từ ngữ chưa chính xác, hoặc câu văn chưa gãy gọn, diễn đạt còn dài dòng. Sai không quá 5 lỗi chung.
- **Điểm 1 - 2**: HS viết được một đoạn về đồ vật được tả. Thực hiện các yêu cầu ở mức đơn giản, ý rất sơ sài, chung chung, lập đi lập lại. Viết đoạn văn sử dụng từ ngữ chưa chính xác, hoặc câu văn lủng củng, diễn đạt còn dài dòng tùy tiện. Sai nhiều lỗi chung, chưa hình thành được bài văn.

* Giáo viên chấm bài cần nắm vững yêu cầu và khi chấm vận dụng biểu điểm cho thích hợp, linh hoạt để đánh giá đúng mức bài làm của học sinh.

MA TRẬN NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA MÔN TIẾNG VIỆT
GIỮA HỌC KỲ II - LỚP 5

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
Đọc hiểu văn bản: - Xác định được hình ảnh, nhân vật chi tiết trong bài đọc. - Hiểu nội dung của đoạn, bài đã đọc, hiểu ý nghĩa của bài. - Giải thích được chi tiết trong bài bằng suy luận trực tiếp hoặc rút ra thông tin từ bài đọc. - Nhận xét được hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc; biết liên hệ những điều đọc được với bản thân và thực tế.	Số câu	2	2	1	1	6
	Số điểm	1	1	1	1	4
Kiến thức tiếng Việt: - Hiểu nghĩa và sử dụng được một số từ ngữ thuộc các chủ điểm đã học. - Câu ghép: Nhận biết được câu ghép trong đoạn văn, nắm được cấu tạo câu ghép, cách nối các vế câu ghép bằng các quan hệ từ và nối các vế câu ghép không dùng từ nối. - Quan hệ từ: Nhận biết được các quan hệ từ, cặp quan hệ từ được sử dụng trong câu ghép. Biết sử dụng các quan hệ từ, căc cặp quan hệ từ để nối các vế câu,…	Số câu	1	1	1	1	4
	Số điểm	0,5	0,5	1	1	3
Tổng	Số câu	3	3	2	2	10
	Số điểm	1,5	1,5	2	2	7

hoc360.net

MA TRẬN CÂU HỎI ĐỀ KIỂM TRA MÔN TIẾNG VIỆT
GIỮA HỌC KỲ II - LỚP 5

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu văn bản	Số câu	2		1	1		1		1	**6**
		Câu số	1, 2		4	3		5		6	
2	Kiến thức tiếng Việt	Số câu	1			1		1		1	4
		Câu số	**7**			8		9		10	
Tổng số câu			**3**		**1**	**2**		**2**		**2**	**10**

hoc360.net